

<https://doi.org/10.59459/1859-1655/JMM.953>

KHẢO SÁT TỔN THƯƠNG DA Ở NGƯỜI LAO ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC TRỰC TIẾP VỚI XĂNG, DẦU MỠ TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI

Lương Minh Tuấn, Đoàn Thị Khuyên^{1*}, Nguyễn Thị Hoa¹
Nguyễn Trường Sơn¹, Đặng Ngọc Hà¹, Vũ Thị Hường¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng tổn thương da ở người lao động thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động.

Đối tượng, phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang 291 người lao động thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động, liên tục trên 3 năm. Chẩn đoán các tổn thương da liên quan đến yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2016/TT-BYT.

Kết quả: Người lao động có tổn thương da phân bố tuổi đời từ 29 - 55 tuổi và tuổi nghề từ 8-35 năm. Nhận thức đúng "yếu tố tiếp xúc là xăng, dầu mỡ có thể gây nên các tổn thương ngoài da" cao nhất ở nhóm thủ kho (62,5%), thấp nhất ở nhóm lái xe (22,0%). Tỷ lệ có sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên ở các nhóm ngành nghề là: thợ sửa chữa 41,8%, thợ bảo quản 46,4%, lái xe 10,0%, thủ kho 75,0%, nghề khác là 60,0%. Tỷ lệ tổn thương ngoài da của các bệnh: bệnh nốt dầu, viêm da tiếp xúc, bệnh sạm da lần lượt là 10,9%; 16,5% và 14,7%. Tỷ lệ tổn thương da của bệnh viêm da tiếp xúc và bệnh sạm da gặp ở nữ giới (45,8% và 37,5%) nhiều hơn ở nam giới (13,8% và 12,7%). Tỷ lệ tổn thương da của bệnh nốt dầu gặp ở thợ sửa chữa là 14,0%, thợ bảo quản là 10,7% và lái xe là 4,0%.

Kết luận: Tỷ lệ người lao động hiểu biết đúng về bệnh liên quan đến yếu tố tiếp xúc và thực hành sử dụng đồ bảo hộ cá nhân trong lao động chưa cao, không đồng đều giữa các nhóm nghề nghiệp. Gặp tỷ lệ từ 10,9-16,5% người lao động có tổn thương ngoài da của bệnh nốt dầu, viêm da tiếp xúc, bệnh sạm da.

Từ khóa: Bệnh nghề nghiệp, xăng, dầu mỡ, tổn thương da.

SURVEY OF THE CURRENT STATUS OF SKIN LESIONS AMONG WORKERS WHO ARE REGULARLY AND DIRECTLY EXPOSED TO GASOLINE AND PETROLEUM PRODUCTS IN SEVERAL MILITARY UNITS ABSTRACT

Objectives: To assess the current status of cutaneous lesions among workers who are frequently and directly exposed to gasoline and lubricants in the occupational environment.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 291 workers who had been frequently and directly exposed to gasoline and lubricants in their work environment for more than three consecutive years. Cutaneous lesions related to occupational exposure factors were diagnosed in accordance with the guidelines outlined in Circular No. 15/2016/TT-BYT.

Results: Workers with skin lesions ranged in age from 29 - 55 years and in occupational seniority from 8-35 years. Correct awareness that "exposure to gasoline and lubricants may cause cutaneous lesions" was highest among warehouse staff (62.5%) and lowest among drivers (22.0%). The proportions of regular use of personal protective equipment by occupational group were: repair technicians 41.8%, maintenance staff 46.4%, drivers 10.0%, warehouse staff 75.0%, and other occupations 60.0%. The prevalence of cutaneous lesions for oil acne, contact dermatitis, and hyperpigmentation was 10.9%, 16.5%, and 14.7%, respectively. The prevalence of contact dermatitis and hyperpigmentation was higher in females (45.8% and 37.5%) than in males (13.8% and 12.7%). The prevalence of oil acne was 14.0% in repair technicians, 10.7% in maintenance staff, and 4.0% in drivers.

Conclusions: The proportion of workers with correct knowledge regarding exposure-related diseases and consistent practice of personal protective equipment use remains low and varies across occupational groups. A prevalence ranging from 10.9% to 16.5% of workers exhibited cutaneous lesions, including oil acne, contact dermatitis, and hyperpigmentation.

Keywords: Occupational disease, gasoline, lubricants, skin lesions.

Chịu trách nhiệm nội dung: Đoàn Thị Khuyên, Email: doankhuyen251287@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/12/2025; mời phản biện khoa học: 12/2025; chấp nhận đăng: 25/02/2025.

¹Viện Y học dự phòng Quân đội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh da nghề nghiệp là loại bệnh nghề nghiệp phổ biến thứ hai tại Hoa Kỳ, sau chấn thương cơ xương và chấn thương lặp đi lặp lại. Các bệnh da liên quan đến công việc chiếm khoảng 50% các bệnh nghề nghiệp và ước tính gây mất 25% tổng số ngày làm việc [1]. Viêm da tiếp xúc chiếm 90-95% trong số các bệnh da nghề nghiệp, bao gồm cả dạng dị ứng và kích ứng. Chi phí hàng năm cho việc đánh giá và điều trị bệnh này ước tính hơn 1 tỉ USD [2, 3]. Các bệnh da nghề nghiệp có những tác động nhất định đến kinh tế - xã hội. Bệnh thường ảnh hưởng đến những người trẻ, mới bắt đầu sự nghiệp. Bệnh nổi đầu gập 34% ở công nhân sửa chữa đầu máy xe lửa, 14% ở công nhân sửa chữa ô tô xe máy. Bệnh sạm da nghề nghiệp gặp khoảng 18-22% trong ngành xăng dầu [4]. Các bệnh da nghề nghiệp nặng thường dẫn đến thời gian nghỉ ốm và thời gian điều trị kéo dài [5].

Thực hiện chức năng chuyên ngành y học dự phòng trong quân đội, Viện Y học dự phòng Quân đội đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại nhiều đơn vị trong toàn quân, trong đó có các đơn vị chuyên ngành xe máy - vận tải và Kỹ thuật quân binh chủng. Kết quả quan trắc thời gian qua cho thấy môi trường lao động tại một số đơn vị còn chưa bảo đảm. Bên cạnh đó, do đặc thù nghiệp vụ, cán bộ, nhân viên, chiến sĩ, người lao động (sau đây gọi chung là người lao động - NLĐ) thường xuyên phải tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động. Đây là những yếu tố nghề nghiệp và môi trường bất lợi, khi kéo dài thời gian tiếp xúc có thể gây ra các bệnh da nghề nghiệp như: Bệnh nổi đầu nghề nghiệp, bệnh sạm da nghề nghiệp, bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp...

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng tổn thương da ở NLĐ thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động, tại một số đơn vị quân đội.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

291 NLĐ thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong lao động, tại một số đơn vị thuộc Cục xe máy - vận tải và Cục Kỹ thuật Quân binh chủng (Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật).

- Tiêu chuẩn lựa chọn: NLĐ thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động thời gian ít nhất 3 năm (tính đến thời điểm khảo sát); NLĐ đủ điều kiện và được tham gia khám phát hiện các tổn thương ngoài da liên quan đến yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp trong thời gian nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: NLĐ ngừng tiếp xúc với xăng, dầu mỡ quá 3 tháng trước thời điểm khảo sát; NLĐ không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Tiến cứu, mô tả, cắt ngang.

- Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện (toàn bộ 291 NLĐ đủ tiêu chuẩn lựa chọn).

- Phương pháp thu thập thông tin: Thu thập dữ liệu, số liệu theo mẫu phiếu nghiên cứu thống nhất thông qua hồ sơ, phỏng vấn, kết quả khám phát hiện tổn thương ngoài da liên quan đến yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp.

- Các chỉ tiêu nghiên cứu:

+ Đặc điểm chung: giới tính, tuổi đời, ngành nghề, tuổi nghề, yếu tố tiếp xúc, thời gian tiếp xúc, các biện pháp bảo hộ lao động.

+ Nhận thức của NLĐ về bệnh liên quan đến yếu tố tiếp xúc và sử dụng bảo hộ lao động.

+ Phân bố các tổn thương ngoài da trong các bệnh cảnh liên quan đến yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp với giới tính, tuổi đời, tuổi nghề, ngành nghề của NLĐ.

- Tiêu chuẩn áp dụng trong nghiên cứu: khám chẩn đoán tổn thương da trong các bệnh nổi đầu nghề nghiệp, bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp, bệnh sạm da nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế [5].

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu: đề cương nghiên cứu được Hội đồng khoa học Viện Y học dự phòng Quân đội và các đơn vị nghiên cứu chấp thuận. NLĐ đồng ý tham gia nghiên cứu và được bảo mật mọi thông tin cá nhân.

- Xử lý số liệu: số liệu được trình bày dưới dạng tần số, tỉ lệ %; sử dụng phần mềm Excel 2010 và phần mềm SPSS 18.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung nhóm nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm NLD (n = 291)		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam giới	267	91,8
	Nữ giới	24	8,2
Tuổi đời (năm)	20-30	44	15,1
	31-40	66	22,7
	> 40	181	62,2
Tuổi nghề (năm)	3-10	55	18,9
	11-20	57	19,6
	> 20	179	61,5
Nghề nghiệp	Thợ sửa chữa	172	59,1
	Thợ bảo quản	56	19,2
	Lái xe	50	17,2
	Thủ kho	8	2,7
	Nghề khác	5	1,7

Đa số NLD là nam giới (91,8%), tuổi đời trên 40 tuổi (62,2%), tuổi nghề trên 20 năm (61,5%) và ngành nghề thợ sửa chữa (59,1%).

Bảng 2. Hiểu biết về bệnh liên quan đến yếu tố tiếp xúc và sử dụng bảo hộ lao động

Nhóm nghề nghiệp	Hiểu biết về bệnh liên quan yếu tố tiếp xúc (NLD, %)		Sử dụng bảo hộ lao động (NLD, %)	
	Có	Không	Có	Không
Thợ sửa chữa (n = 172)	65 (37,8)	107 (62,2)	72 (41,8)	100 (58,2)
Thợ bảo quản (n = 56)	24 (42,9)	32 (57,1)	26 (46,4)	30 (53,6)
Lái xe (n = 50)	11 (22,0)	39 (78,0)	5 (10,0)	45 (90,0)
Thủ kho (n = 8)	5 (62,5)	3 (37,5)	6 (75,0)	2 (25,0)
Nghề khác (n = 5)	2 (40,0)	3 (60,0)	3 (60,0)	2 (40,0)

Tỉ lệ NLD có hiểu biết về bệnh liên quan đến yếu tố tiếp xúc và có sử dụng bảo hộ lao động còn thấp và không đồng đều giữa các nhóm nghề nghiệp; thấp nhất ở nhóm nghề lái xe và cao nhất ở nhóm nghề thủ kho.

3.2. Phân bố tổn thương da do bệnh nghề nghiệp theo đặc điểm NLD

Bảng 3. Phân bố tổn thương da theo tuổi đời và tuổi nghề NLD

Tổn thương da	Tuổi đời		Tuổi nghề	
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tổn thương da liên quan bệnh nốt dầu	29	55	11	35
Tổn thương da liên quan bệnh viêm da tiếp xúc	29	54	8	35
Tổn thương da liên quan bệnh sạm da	31	53	8	34

Các tổn thương da liên quan đến yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp ghi nhận ở NLD từ 29-55 tuổi và 8-35 năm tuổi nghề. Trong đó, tổn thương da liên quan đến bệnh nốt dầu gặp ở nhóm có tuổi nghề cao hơn; tổn thương da liên quan đến bệnh viêm da tiếp xúc và sạm da gặp ở nhóm có tuổi nghề thấp hơn.

Bảng 4. Phân bố tỉ lệ tổn thương da theo giới tính của NLD

Tổn thương da	Tỉ lệ gặp (%)		
	Chung (n = 291)	Nam giới (n = 267)	Nữ giới (n = 24)
Nốt dầu	10,9	11,2	8,3
Viêm da tiếp xúc	16,5	13,8	45,8
Bệnh sạm da	14,7	12,7	37,5

Tỉ lệ tổn thương da gặp trong các bệnh cảnh nốt dầu là 10,9%, viêm da tiếp xúc là 16,5% và sạm da là 14,7%. Tỉ lệ nam giới gặp tổn thương da nghề nghiệp nhiều hơn nữ giới với tổn thương da trong bệnh cảnh nốt dầu; nữ giới gặp nhiều hơn nam giới trong viêm da tiếp xúc và sạm da.

Bảng 5. Phân bố tổn thương da theo nhóm nghề nghiệp của NLD

Nhóm nghề nghiệp	Tổn thương da (NLD, %)		
	Bệnh nốt dầu	Viêm da tiếp xúc	Bệnh sạm da
Thợ sửa chữa (n = 172)	24 (14,0)	21 (12,2)	14 (8,1)
Thợ bảo quản (n = 56)	6 (10,7)	14 (25,0)	16 (28,6)
Lái xe (n = 50)	2 (4,0)	8 (16,0)	8 (16,0)
Thủ kho (n = 8)	0	5 (62,5)	5 (62,5)
Nghề khác (n = 5)	0	0	2 (40,0)

Tỉ lệ NLD mắc tổn thương da liên quan yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp ở các nhóm nghề khác nhau thì có xu hướng khác nhau. Tổn thương da liên

quan đến bệnh nốt dầu gặp nhiều nhất ở nhóm thợ sửa chữa (14,0%), tiếp đến là thợ bảo quản (10,7%) và ít gặp hơn ở lái xe (4,0%); liên quan đến bệnh viêm da tiếp xúc gặp nhiều nhất ở nhóm thủ kho (62,5%), tiếp đến là nhóm thợ bảo quản (25,0%), lái xe (16,0%) và thợ sửa chữa (12,2%); liên quan đến bệnh sạm da cũng gặp nhiều ở nhóm thủ kho (62,5%), tiếp theo là thợ bảo quản (28,6%), lái xe (16,0%), thợ sửa chữa (8,1%). Riêng nhóm nghề khác có tỉ lệ tổn thương da liên quan đến bệnh sạm da là 40,0%; không phát hiện tổn thương da liên quan đến bệnh nốt dầu và viêm da tiếp xúc.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm nhóm nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện lấy mẫu toàn bộ NLD thỏa mãn tiêu chí lựa chọn (thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động, thời gian tiếp xúc tối thiểu 3 năm tính đến thời điểm nghiên cứu). Đối tượng nghiên cứu thuộc các nhóm nghề nghiệp khác nhau, gồm cả nam giới và nữ giới để bảo đảm tính đại diện khách quan. Tuy nhiên, đa số NLD là nam giới (91,8%). Điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất nghề nghiệp liên quan đến xăng, dầu mỡ (hầu hết là các ngành kĩ thuật) và đặc thù tổ chức biên chế đơn vị kĩ thuật trong quân đội.

Đa số NLD có tuổi đời trên 40 tuổi (62,2%) và tuổi nghề trên 20 năm (61,5%). Thời gian tiếp xúc với các yếu tố bất lợi trong lao động nghề nghiệp càng dài thì những tác động gây tổn thương da ngày càng tích lũy, tiến triển gây bệnh. Nghiên cứu của Nguyễn Bích Hà [5] trên đối tượng sửa chữa tàu thủy cho thấy đa số NLD có tuổi đời dưới 30 tuổi (56,19%) và tuổi nghề dưới 5 năm (47,35%). Sự khác biệt này có thể do nghiên cứu của Nguyễn Bích Hà chọn đối tượng có tuổi nghề ít nhất 2 năm, tại các đơn vị ngoài quân đội.

Nhóm nghề nghiệp của NLD ghi nhận trong nghiên cứu này gồm thợ sửa chữa (59,1%), thợ bảo quản (19,2%), lái xe (17,2%), thủ kho (2,7%) và một số nghề khác có liên quan, như thợ gò hàn rèn, thợ sơn (1,7%). Như vậy, nghiên cứu đã tiếp cận hầu hết các ngành nghề có liên quan đến yếu tố thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động. Nghiên cứu của Nguyễn Bích Hà [5] về bệnh nốt dầu nghề nghiệp gặp những nhóm nghề nghiệp chủ yếu là thợ máy, thợ cơ khí, lái xe.

Nhận thức về các bệnh da nghề nghiệp liên quan đến xăng, dầu mỡ của NLD trong nghiên cứu này còn khá hạn chế. Thực trạng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động của NLD cũng chưa tương xứng với mức độ tiếp xúc các yếu tố bất lợi, đặc biệt ở nhóm lái xe và thợ sửa chữa. Có thể nhóm nghề lái xe có đặc

thù cơ động, thường phải tiếp xúc với xăng, dầu mỡ khi phương tiện đột xuất trực trực, hồng hóc, không có phương tiện bảo hộ lao động mang theo. Việc ít sử dụng bảo hộ lao động ở nhóm thợ sửa chữa được NLD cho rằng liên quan đến tính chất công việc (khi sửa chữa những chi tiết nhỏ, cần độ chính xác cao, NLD khó cảm nhận được sử dụng bảo hộ lao động không cảm nhận được chính xác để sửa chữa. Và ở các ngành nghề khác tỉ lệ NLD sử dụng bảo hộ lao động thường xuyên cũng ít hơn so với người lao động sử dụng bảo hộ lao động không thường xuyên. Điều đó cho thấy NLD chưa thực sự quan tâm đến kiến thức và thực hành bảo hộ lao động, tránh những nguy cơ, tác nhân có hại từ môi trường của mình, mà cụ thể ở đây là xăng, dầu mỡ.

4.2. Mối liên quan giữa tổn thương ngoài da với đặc điểm của NLD

Về tuổi đời và tuổi nghề: nghiên cứu này ghi nhận các tổn thương da liên quan đến bệnh nghề nghiệp xuất hiện ở NLD có tuổi đời từ 29-55 tuổi và tuổi nghề từ 8 - 35 năm. Nhiều tài liệu đã cho thấy, những tổn thương da liên quan đến bệnh nghề nghiệp khi thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động là hoàn toàn phù hợp. Theo tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh nốt dầu nghề nghiệp, thời gian tiếp xúc nghề nghiệp tối thiểu là 6 tháng và thời gian bảo đảm là 6 tháng. Đối với bệnh sạm da nghề nghiệp, thời gian tiếp xúc nghề nghiệp tối thiểu là 12 tháng, thời gian bảo đảm là 6 tháng. Với bệnh cảnh của viêm da tiếp xúc nghề nghiệp, NLD có thể mắc viêm da tiếp xúc kích ứng ngay sau khi tiếp xúc với hóa chất vài giờ đến vài ngày hoặc mắc viêm da tiếp xúc dị ứng (tổn thương dạng chàm mạn tính, dày da, lichen hóa) sau thời gian dài tiếp xúc [4]. Kết quả về tuổi đời, tuổi nghề NLD có tổn thương da liên quan đến bệnh nghề nghiệp do thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong nghiên cứu này khác biệt so với một số nghiên cứu tương tự [5] và so với ý văn có thể do đây là nghiên cứu mang tính thống kê về tổn thương da đầu tiên ở NLD thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong quân đội nói chung và tại các đơn vị này nói riêng. Vì vậy, NLD tham gia nghiên cứu có thể đã xuất hiện các tổn thương da từ trước, nhưng chưa được khám phát hiện bệnh. Thực tế này chỉ ra, cần thiết tăng cường tần suất khám sàng lọc bệnh da nghề nghiệp cho NLD thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động tại các đơn vị.

Tỉ lệ NLD có tổn thương da liên quan bệnh cảnh nốt dầu trong nghiên cứu này (10,9%) cao hơn nghiên cứu trên các công nhân sửa chữa ô tô tàu thủy tại Thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Bích Hà (6,6%) [5]. Điều này có thể được lí giải do thời gian tiếp xúc với xăng, dầu mỡ của NLD trong nghiên

cứu này (đa số trên 20 năm) lớn hơn nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Bích Hà (đa số từ 2-5 năm) [5]. Theo Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường, bệnh nốt dầu nghề nghiệp là bệnh viêm nang lông do thường xuyên tiếp xúc với các loại dầu mỡ bắn trong lao động; tỉ lệ xuất hiện ở công nhân đầu máy xe lửa là 34% và ở công nhân sửa chữa ô tô - xe máy là 14% [6]. Như vậy, tỉ lệ tổn thương da của NLĐ nhóm nghề thợ sửa chữa trong nghiên cứu này tương tự nghiên cứu về bệnh nốt dầu của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường. Tỉ lệ tổn thương da trong bệnh cảnh viêm da tiếp xúc (16,5%) và trong bệnh cảnh sạm da (14,7%) của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường (bệnh sạm da nghề nghiệp gặp ở 18-22% công nhân tiếp xúc với xăng dầu [6]). Điều này có thể do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi gồm cả NLĐ tiếp xúc với dầu mỡ và cả NLĐ tiếp xúc với xăng dầu - chất có chứa lượng hydrocacbon (nguyên nhân chính gây sạm da nghề nghiệp) lớn hơn.

Tổn thương nốt dầu chủ yếu gặp ở thợ sửa chữa, phù hợp với cơ chế bệnh sinh mang tính tích lũy do tiếp xúc thường xuyên với dầu mỡ. Đặc biệt, các tổn thương da trong bệnh cảnh bệnh nốt dầu chủ yếu do quá trình ngấm dầu vào lỗ chân lông và dưới da, gây bít tắc lỗ chân lông và gây độc. Tổn thương màng lipid của tế bào dưới da gây viêm mạch tổ chức dưới da nên tổn thương trong bệnh lý nốt dầu mang tính chất tích lũy (thời gian càng dài, tiếp xúc càng thường xuyên liên tục với càng nhiều với xăng, dầu mỡ thì càng có nguy cơ cao gây tổn thương da). Vì vậy, kết quả này hoàn toàn phù hợp với tỉ lệ tổn thương da trong bệnh cảnh nốt dầu (hay gặp nhất ở nhóm nghề thợ sửa chữa [7, 8]).

Viêm da tiếp xúc và sạm da các tổn thương liên quan đến yếu tố đáp ứng miễn dịch típ I và dị ứng típ IV. Vì vậy, không tương đồng giữa việc tích lũy yếu tố tiếp xúc và biểu hiện tổn thương da [4, 9]. Các tổn thương da trong 2 bệnh lý này chúng tôi gặp ở nữ giới nhiều hơn ở nam giới, có thể liên quan đến đặc điểm sinh lí da của từng giới tính, cũng có thể do sự phân bố nghề nghiệp đặc thù của các đơn vị tham gia nghiên cứu.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu ghi nhận ở 291 người lao động từ 29 - 55 tuổi, thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động với thời gian từ 8 - 35 năm có tỉ lệ mắc các tổn thương da của bệnh nốt dầu, viêm da tiếp xúc và sạm da nghề nghiệp lần lượt là 10,9%, 16,5% và 14,7%. Tổn thương da của bệnh nốt dầu gặp nhiều hơn ở nhóm nghề nghiệp thợ sửa chữa; trong bệnh cảnh viêm da tiếp xúc và sạm da gặp nhiều hơn ở nữ giới.

Từ kết quả nghiên cứu chúng tôi có kiến nghị:

- Cần có các giải pháp phù hợp nâng cao nhận thức của người lao động về những nguy cơ mắc tổn thương da, bệnh lý da nghề nghiệp khi thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động.

- Tăng cường các biện pháp bảo hộ lao động đối với người lao động thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ; nhất là sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân.

- Tổ chức khám sàng lọc bệnh nghề nghiệp đúng quy định cho các đối tượng người lao động thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với xăng, dầu mỡ trong môi trường lao động để phát hiện sớm các tổn thương, can thiệp kịp thời và có chế độ bảo hiểm xã hội phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Peate W., "Occupational skin disease", American family physician, 66 (6): pp. 1025-1033, 2002.
2. Pacheco K.A, "Occupational dermatitis: how to identify the exposures, make the diagnosis and treat the disease", Annals of Allergy, Asthma & Immunology, 120 (6): pp. 583-591, 2018.
3. Diepgen T.L, "Occupational skin diseases", Journal der Deutschen Dermato-logischen Gesellschaft, 10 (5): pp. 297-315, 2012.
4. Bộ Y tế, Quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội, Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế.
5. Nguyễn Bích Hà, Lê Hoàng Ninh, "Bệnh nốt dầu nghề nghiệp ở một số cơ sở sửa chữa ô tô, máy tàu thủy và kiến thức thái độ hành vi liên quan của người lao động", Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh, Số 14 (1), tr. 226-231, 2010.
6. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường, Tài liệu đào tạo chứng chỉ bệnh nghề nghiệp năm 2023.
7. Mc Donnell J.K, Taylor J.S, "Occupational and environmental acne", Handbook of occupational dermatology, Berlin, Heidelberg: Springer Berlin Heidelberg, pp. 225-233, 2000.
8. Rustemeyer T, Elsner P, John S.M, Maibach H.I, "Elaiocniose: relato de caso", Anais Brasileiros de Dermatologia, 86, pp. 53-56, 2012.
9. Pesonen M, Jolanki R, Larese Filon F, Wilkinson M, Krecisz B, Kiec-Swierczynska M, Bauer A, Mahler V, John S.M, Schnuch A, Uter W, Contact dermatitis, pp. 72, 154, 2015 □